

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

● HỒ CHÍ ĐIỂN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Để thực hiện nghiên cứu, 10 người dân và cán bộ khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên đã được phỏng vấn định tính cùng với 300 người dân đã tham gia vào quá trình khảo sát này. Dựa trên phương pháp phân tích nhân tố (EFA) và phương pháp hồi quy tuyến tính, nghiên cứu đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy có sự tác động của yếu tố thu nhập, trình độ học vấn, chính quyền... tới mức độ hài lòng của người dân. Một số khuyến nghị đã được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Xây dựng nông thôn mới, đánh giá, người dân, tỉnh Thái Nguyên.

1. Giới thiệu

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Để phát triển đồng bộ nông nghiệp nông thôn, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người nông dân, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (XDNTM). Sau gần 10 năm thực hiện (2010-2019), tính đến cuối năm 2018, cả nước đã có 3 420 xã chiếm 38,32% xã được công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, 53 đơn vị cấp huyện thuộc 27 tỉnh, thành phố trên cả nước được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Chương trình XDNTM đã đem lại nhiều thay đổi rõ nét, cơ cấu kinh tế nông thôn có nhiều chuyển

địch tích cực, ngành nghề ở nông thôn phát triển tương đối đa dạng, nông nghiệp - ngành kinh tế chủ yếu của khu vực nông thôn đang chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, kết cấu hạ tầng phát triển mạnh, nhiều mô hình phát triển sản xuất đã tạo nên động lực mới cho phát triển kinh tế khu vực nông thôn... Bên cạnh đó, kết quả XDNTM giữa các vùng còn có sự chênh lệch, nhiều nơi triển khai còn mang tính hình thức, thực hiện để lấy thành tích, chưa có các hoạt động mang tính kiến tạo, chưa khai thác được hết tiềm năng thế mạnh của khu vực nông thôn, thu nhập, đời sống của các vùng nông thôn còn thấp. Theo báo cáo kết quả tổng điều tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (năm 2017) cho thấy, tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới có sự khác biệt lớn giữa các vùng trong cả nước, vùng Đông Nam bộ đạt cao nhất (47%), gấp gần 5 lần tỷ lệ của vùng đạt thấp nhất

là TDMNPB (TDMNPB) (9,5%). Lý do cho tỷ lệ đạt thấp nhất của vùng TDMNPB là vùng có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và núi cao gây khó khăn cho người dân đi lại, sinh hoạt và sản xuất, đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn còn thấp; tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn...

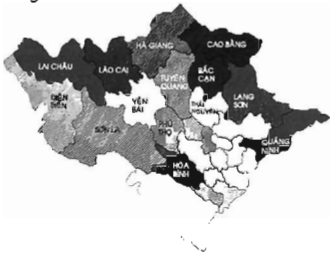
Thái Nguyên, một tỉnh thuộc trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng TDMNPB nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng Trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Thái Nguyên là tỉnh đã triển khai chương trình XDNTM ngay từ rất sớm (năm 2010), tính đến hết năm 2017, toàn tỉnh đã có 68 xã có quyết định công nhận đạt chuẩn; trong đó, năm 2017 có thêm 12 xã đạt chuẩn (Số NN&PTNTT, 2018). Kết quả của tỉnh đóng góp một phần tạo nên tỷ lệ xã đạt nông thôn mới của vùng TDMNPB thấp nhất trong các vùng của cả nước. Do đó, cần thiết phải có nghiên cứu đánh giá chương trình XDNTM, đặc biệt cần có đánh giá của người nông dân, đối tượng quan trọng của chương trình và cũng là thành phần chủ yếu sinh sống tại khu vực nông thôn (chiếm gần 70%). Vì vậy, nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá của người dân với chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên" được thực hiện nhằm khảo sát kết quả đánh giá của người dân về chương trình XDNTM, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá này, từ đó có những khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và góp phần cải thiện kết quả XDNTM vùng TDMNPB nói chung.

2. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Thái Nguyên là tỉnh thuộc trung tâm vùng Trung du miền núi Đông bắc; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội (cách 80 km); diện tích tự nhiên 3.562,82 km². Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính gồm: 2 thành phố (Thái Nguyên và Sông Công), 1 thị xã (Phổ Yên) và 6 huyện là Phú Bình, Đồng Hỷ, Võ Nhai, Đình Hố, Đại Từ, Phú Lương. Tổng số gồm 180 xã, trong đó có 125 xã vùng cao

và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du. Đời sống người dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp, thu nhập bình quân của người dân nông thôn thấp đạt 26,2 triệu đồng/người/năm. Thái Nguyên là một trong những tỉnh đi đầu trong phong trào XDNTM của vùng TDMNPB, cũng là tỉnh có kết quả xây dựng NTM cao nhất của vùng, tính đến thời điểm năm 2018.

Hình 1: Vị trí tỉnh Thái Nguyên trong vùng TDMNPB



Với sự tương đồng trong mức sống, điều kiện và tập quán sản xuất với các tỉnh khác thuộc vùng TDMNPB, việc lựa chọn Thái Nguyên là địa bàn nghiên cứu đảm bảo được tính đại diện cho các địa phương khác trong vùng. Đồng thời kết quả nghiên cứu ở Thái Nguyên có triển vọng mở rộng cho các tỉnh khác trong vùng, cũng như một số tỉnh có điều kiện sản xuất tương đồng trong cả nước.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

3.1.1. Số liệu sơ cấp

Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bằng hỏi. Để phản ánh được chính xác các ý kiến của người dân, cuộc phỏng vấn định tính với 10 người dân đã được tiến hành, trong số đó có 2 cán bộ lãnh đạo thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) và 8 người dân sinh sống tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nội dung phỏng vấn về ý kiến đánh giá chương trình xây dựng nông thôn, qua cuộc khảo sát này, tác giả nhận thấy các đối tượng đều đánh giá ở hai khía

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN VỀ CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

● HỒ CHÍ DIỄN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của người dân khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Để thực hiện nghiên cứu, 10 người dân và cán bộ khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên đã được phỏng vấn định tính cùng với 300 người dân đã tham gia vào quá trình khảo sát này. Dựa trên phương pháp phân tích nhân tố (EFA) và phương pháp hồi quy tuyến tính, nghiên cứu đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm cho thấy có sự tác động của yếu tố thu nhập, trình độ học vấn, chính quyền... tới mức độ hài lòng của người dân. Một số khuyến nghị đã được đề xuất trên cơ sở kết quả nghiên cứu.

Từ khóa: Xây dựng nông thôn mới, đánh giá, người dân, tỉnh Thái Nguyên.

1. Giới thiệu

Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là cơ sở và nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam. Để phát triển đồng bộ nông nghiệp nông thôn, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người nông dân, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng trong đó có Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (XDNTM). Sau gần 10 năm thực hiện (2010-2019), tính đến cuối năm 2018, cả nước đã có 3.420 xã chiếm 38.32% xã được công nhận đạt tiêu chuẩn nông thôn mới, 53 đơn vị cấp huyện thuộc 27 tỉnh, thành phố trên cả nước được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Chương trình XDNTM đã đem lại nhiều thay đổi rõ nét, cơ cấu kinh tế nông thôn có nhiều chuyển

địch tích cực, ngành nghề ở nông thôn phát triển tương đối đa dạng, nông nghiệp - ngành kinh tế chủ yếu của khu vực nông thôn đang chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa, kết cấu hạ tầng phát triển mạnh, nhiều mô hình phát triển sản xuất đã tạo nên động lực mới cho phát triển kinh tế khu vực nông thôn... Bên cạnh đó, kết quả XDNTM giữa các vùng còn có sự chênh lệch, nhiều nơi triển khai còn mang tính hình thức, thực hiện để lấy thành tích, chưa có các hoạt động mang tính kiến tạo, chưa khai thác được hết tiềm năng thế mạnh của khu vực nông thôn, thu nhập, đời sống của các vùng nông thôn còn thấp. Theo báo cáo kết quả tổng điều tra của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (năm 2017) cho thấy, tỷ lệ xã đạt chuẩn trong cả nước, vùng Đông Nam bộ đạt cao nhất (47%), gấp gần 5 lần tỷ lệ của vùng đạt thấp nhất

là TDMNPB (TDMNPB) (9,5%). Lý do cho tỷ lệ đạt thấp nhất của vùng TDMNPB là vùng có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp và núi cao gây khó khăn cho người dân đi lại, sinh hoạt và sản xuất, đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn còn thấp; tỉ lệ hộ nghèo cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ, manh mún; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn khó khăn...

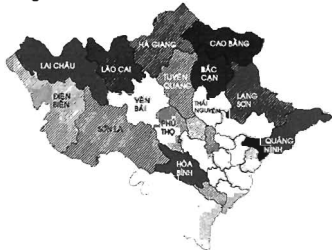
Thái Nguyên, một tỉnh thuộc trung tâm chính trị, kinh tế của khu Việt Bắc nói riêng, của vùng TDMNPB nói chung, là cửa ngõ giao lưu kinh tế xã hội giữa vùng Trung du miền núi với vùng đồng bằng Bắc Bộ. Thái Nguyên là tỉnh đã triển khai chương trình XDNTM ngay từ rất sớm (năm 2010), tính đến hết năm 2017, toàn tỉnh đã có 68 xã có quyết định định công nhận đạt chuẩn; trong đó, năm 2017 có thêm 12 xã đạt chuẩn (Sở NN&PTNTT, 2018). Kết quả của tỉnh đóng góp một phần tạo nên tỷ lệ xã đạt nông thôn mới của vùng TDMNPB thấp nhất trong các vùng của cả nước. Do đó, cần thiết phải có nghiên cứu đánh giá chương trình XDNTM, đặc biệt cần có đánh giá của người nông dân, đối tượng quan trọng của chương trình và cũng là thành phần chủ yếu sinh sống tại khu vực nông thôn (chiếm gần 70%). Vì vậy, nghiên cứu "Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá của người dân với chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên" được thực hiện nhằm khảo sát kết quả đánh giá của người dân về chương trình XDNTM, đồng thời xác định các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đánh giá này, từ đó có những khuyến nghị nhằm góp phần nâng cao chất lượng chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và góp phần cải thiện kết quả XDNTM vùng TDMNPB nói chung.

2. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu

Thái Nguyên là tỉnh thuộc trung tâm vùng Trung du miền núi Đông bắc; phía Bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Kạn, phía Tây giáp với các tỉnh Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía Đông giáp với các tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang và phía Nam tiếp giáp với thủ đô Hà Nội (cách 80 km); diện tích tự nhiên 3.562,82 km². Tỉnh Thái Nguyên có 9 đơn vị hành chính gồm: 2 thành phố (Thái Nguyên và Sông Công), 1 thị xã (Phổ Yên) và 6 huyện là Phú Bình, Đông Hy, Võ Nhai, Định Hóa, Đại Từ, Phú Lương. Tổng số gồm 180 xã, trong đó có 125 xã vùng cao

và miền núi, còn lại là các xã đồng bằng và trung du. Đời sống người dân nông thôn còn gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc chủ yếu vào sản xuất nông nghiệp, thu nhập bình quân của người dân nông thôn thấp đạt 26,2 triệu đồng/người/năm. Thái Nguyên là một trong những tỉnh đi đầu trong phong trào XDNTM của vùng TDMNPB, cũng là tỉnh có kết quả xây dựng NTM cao nhất của vùng, tính đến thời điểm năm 2018.

Hình 1: Vị trí tỉnh Thái Nguyên trong vùng TDMNPB



Với sự tương đồng trong mức sống, điều kiện và tập quán sản xuất với các tỉnh khác thuộc vùng TDMNPB, việc lựa chọn Thái Nguyên là địa bàn nghiên cứu đảm bảo được tính đại diện cho các địa phương khác trong vùng. Đồng thời kết quả nghiên cứu ở Thái Nguyên có triển vọng mở rộng cho các tỉnh khác trong vùng, cũng như một số tỉnh có điều kiện sản xuất tương đồng trong cả nước.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập số liệu

3.1.1. Số liệu sơ cấp

Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bảng hỏi. Để phản ánh được chính xác các ý kiến của người dân, cuộc phỏng vấn định tính với 10 người dân đã được tiến hành, trong số đó có 2 cán bộ lãnh đạo thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) và 8 người dân sinh sống tại khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nội dung phỏng vấn về ý kiến đánh giá chương trình xây dựng nông thôn, qua cuộc khảo sát này, tác giả nhận thấy các đối tượng đều đánh giá ở hai khía

ạnh: sự quan tâm và triển khai của chính quyền, kết quả chương trình XDNTM (kết quả về cơ sở vật chất các công trình phục vụ đời sống người dân (trường học, bưu điện...), kết quả về cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của người dân (điện, đường, thủy lợi), kết quả về văn hóa-y tế-giáo dục, kết quả công tác quy hoạch. Dựa vào các thông tin định tính này, tác giả tiến hành xây dựng phiếu câu hỏi phục vụ cuộc khảo sát lấy ý kiến đánh giá của người dân với chương trình XDNTM.

Một cuộc điều tra khảo sát đã được tiến hành nhằm lấy ý kiến người dân khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên về chương trình XDNTM của tỉnh. Quy mô mẫu được xác định theo công thức của Hair&Ctg (1998). Theo Hair&Ctg (1998), để sử dụng phương pháp phân tích nhân tố, kích thước mẫu tối thiểu là 50, tốt hơn là 100 và tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5/1, nghĩa là một biến đo lường cần tối thiểu là 5 quan sát. Để phục vụ cho nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành điều tra 300 người dân sinh sống tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Thông tin thu thập đảm bảo được yêu cầu về dung lượng mẫu cho mô hình nghiên cứu.

3.1.2. Số liệu thứ cấp

Để cung cấp đầy đủ hơn về bối cảnh, kết quả XDNTM của tỉnh Thái Nguyên, nghiên cứu sử dụng các thông tin thứ cấp từ niên giám thống kê tỉnh, các báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thái Nguyên, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

3.2. Phương pháp phân tích dữ liệu

3.2.1. Phương pháp phân tích nhân tố

Thực hiện nghiên cứu đánh giá chương trình XDNTM qua đánh giá của người dân khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên, tác giả sử dụng phương pháp phân tích nhân tố EFA để đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua kiểm định hệ số Cronbach's Alpha, kiểm định sự phù hợp của phương pháp EFA qua kiểm định tương quan của các biến quan sát (kiểm định KMO và Bartlett's), kiểm định mức độ giải thích của các biến quan sát trong mô hình và thực hiện phép quay (rotatuon) để nhóm các chỉ báo thành các nhóm nhân tố nghiên cứu.

3.2.2. Phương pháp phân tích hồi quy

Sau khi phân tích nhân tố để kiểm định độ tin cậy, sự phù hợp, mức độ giải thích của các nhân tố

trong mô hình, nghiên cứu tiếp tục sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính để nhằm ước lượng ảnh hưởng của các nhân tố tới sự đánh giá (mức độ hài lòng) của người dân.

Mô hình có dạng:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + e_i$$

Trong đó Y là biến phụ thuộc, phụ thuộc vào các loại biến $X_1, X_2, X_3, \dots, X_n$.

Trong mô hình này, biến Y là biến thể hiện kết quả đánh giá chương trình XDNTM, thông qua đo lường mức độ hài lòng của người dân về chương trình XDNTM.

Các biến $X_1, X_2, X_3, \dots, X_n$ là các biến độc lập tác động đến biến phụ thuộc, là nguyên nhân gây dẫn đến kết quả là tác động đến biến Y..

Hệ số β_0 là tung độ gốc của mô hình, hệ số $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \dots$ ăn được xác định qua mô hình ước lượng, nó phản ánh mức độ tác động của các yếu tố đến biến Y.

3.2.3. Phương pháp phân tích tổng hợp - so sánh

Phương pháp này được sử dụng trong bài viết nhằm đánh giá ý kiến của người dân về các khía cạnh được hỏi trên cơ sở các nhân tố đã được xác định từ phương pháp phân tích nhân tố. Kết quả về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này tới sự hài lòng của người dân và mức độ đồng ý của các nhân tố sẽ là bằng chứng thực nghiệm, để từ đó tác giả để xuất một số giải pháp đẩy mạnh chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng, vùng TDMNOB nói chung.

3.3. Biến nghiên cứu

Mô hình nghiên cứu có dạng:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \dots + \beta_n X_n + e_i$$

Trong đó: Y là biến hài lòng (Hailong) của người dân về chương trình XDNTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và phụ thuộc vào các biến độc lập: $X_1, X_2, X_3, \dots, X_n$, lần lượt là các biến tuổi, giới tính, thu nhập, học vấn, chính quyền, cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, văn hóa y tế giáo dục, quy hoạch. Các biến được định nghĩa cụ thể trong Bảng 1.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả đánh giá chương trình XDNTM của người dân khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Sau 10 năm triển khai, chương trình XDNTM đã đem lại nhiều kết quả, cũng là khoảng thời gian đủ dài để chương trình bộc lộ các nhược điểm hay

Bảng 1. Định nghĩa biến sử dụng trong nghiên cứu

Biến	Định nghĩa
Hailong	Kết quả đánh giá chương trình XDNTM được đo lường mức độ hài lòng của người dân với chương trình xây dựng NTM, sử dụng thang đo likert
Gioitinh	Bằng 1 nếu giới tính là Nam, bằng 0 nếu giới tính là nữ
Tuoi	Tuổi của người tham gia phỏng vấn, bằng 1 nếu trên 40 tuổi, bằng 0 nếu từ 40 tuổi trở xuống
Hocvan	Trình độ học vấn của người được phỏng vấn, bằng 1 nếu người được phỏng vấn có bằng trung cấp trở lên, bằng 0 nếu không có bằng cấp
Thu nhập	Thu nhập của người được phỏng vấn, bằng 0 nếu dưới 5 triệu, bằng 1 nếu từ 5-15 triệu, bằng 2 nếu từ 15 triệu trở lên
QH	Đánh giá của người dân về kết quả công tác quy hoạch, được đo lường bằng thang đo likert
CSHT	Đánh giá của người dân về kết quả cơ sở hạ tầng, được đo lường bằng thang đo likert
CSVC	Đánh giá của người dân về cơ sở vật chất, được đo lường bằng thang đo likert
VYGD	Đánh giá của người dân về văn hóa- y tế - giáo dục, được đo lường bằng thang đo likert
CQ	Đánh giá của người dân về năng lực, trách nhiệm và sự quan tâm của cán bộ chính quyền

Nguồn: Tác giả xây dựng

phát huy hiệu quả và người dân cũng đủ thời gian chiêm nghiệm để đưa ra các đánh giá chính xác, có độ tin cậy cao về chất lượng chương trình.

Để thực hiện lấy ý kiến người dân, một cuộc điều tra đã được tiến hành với 300 người dân sinh sống ở khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên, trong đó có 62% người được hỏi là nam giới, 54% có độ tuổi trên 40 và 65% có bằng trung cấp trở lên. Khảo sát lấy ý kiến người dân với 5 mức: rất hài lòng, hài lòng, bình thường, không hài lòng và rất không hài lòng, kết quả tìm được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của người dân về chương trình tại tỉnh Thái Nguyên

Mức độ hài lòng	Số người lựa chọn	Tỷ lệ (%)
1 Rất không hài lòng	0	0
2. Không hài lòng	2	0,7
3. Bình thường	130	43,33
4 Hài lòng	151	50,33
5. Rất hài lòng	17	5,7

Nguồn: Tính toán khảo sát của tác giả

Kết quả trong Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ cao nhất thuộc về ý kiến đánh giá chất lượng chương trình nông thôn mới là bình thường với 50,33% số người đánh giá, đứng thứ 2 là 43,33% số người đánh giá hài lòng với chương trình XDNTM, đứng ở vị trí thứ 3 là rất hài lòng với 5,7% số người đánh giá, đứng thứ 4 là đánh giá không hài lòng với tỷ lệ 0,7% và không có ai là rất không hài lòng với chương trình. Từ kết quả có 56,03% số người được hỏi là cảm thấy hài lòng hoặc rất hài lòng, như vậy chương trình XDNTM cũng đã bộc lộ hiệu quả, phần nào đem lại chất lượng cuộc sống cho người dân, bước đầu đã nhận được sự hài lòng từ phía người dân. Con số 43,33% số người đánh giá bình thường cho thấy còn một bộ phận không nhỏ người dân cho rằng chương trình XDNTM chưa thực sự phát huy hết được vai trò cũng như ý nghĩa của chương trình. Tỷ lệ chưa hài lòng chỉ chiếm 0,7%, là một tỷ lệ nhỏ, nhưng cùng với tỷ lệ chưa thực sự hài lòng là 43,33% thì đây là con số không hề nhỏ cần phải có các biện pháp khắc phục tình trạng trên.

4.2. Kết quả EFA

4.2.1. Kết quả kiểm định thang đo với hệ số Cronbach's Alpha

Để thực hiện nghiên cứu này, thông qua phỏng vấn định tính, tác giả nhận thấy ngoài đặc điểm

của người được phỏng vấn, một số các nhân tố khác có thể có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người dân như trách nhiệm và sự quan tâm của chính quyền (CQ), kết quả cơ sở vật chất (CSVC), kết quả công tác quy hoạch (QH), kết quả trong văn hóa - y tế - giáo dục (VYG), kết quả về cơ sở hạ tầng (CSHT), 5 nhân tố này được đo lường bằng 35 chỉ báo (items) được tác giả xây dựng dựa trên nghiên cứu định tính. Để kiểm định độ tin cậy của các thang đo này, kiểm định Cronbach's Alpha đã được thực hiện. Sau khi kiểm định, có 34 chỉ báo đạt điều kiện được sử dụng để phản ánh các nhân tố và hệ số Cronbach's alpha cho nhân tố được thể hiện ở Bảng 3. Kết quả cho thấy hệ số Alpha của các nhân tố (đồng đều lớn hơn 0,6 được xem là chấp nhận được và thích hợp để đưa vào phân tích những bước tiếp theo.

Bảng 3. Kiểm định hệ số Cronbach's Alpha

STT	Nhân tố tổng	Kí hiệu	Alpha
1	Trách nhiệm và sự quan tâm của chính quyền	CQ	0.952
2	Kết quả cơ sở vật chất	CSVC	0.891
3	Kết quả công tác quy hoạch	QH	0.954
4	Kết quả trong văn hóa - y tế - giáo dục	VYG	0.902
5	Kết quả cơ sở hạ tầng	CSHT	0.979

Nguồn: Tính toán của tác giả với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 22

4.2.2. Kết kiểm định sự phù hợp của mô hình

Để kiểm định sự phù hợp của phương pháp EFA cho mô hình, kiểm định hệ số KMO và Bartlett's đã được thực hiện. Kết quả kiểm định như sau:

Bảng 4. Kết quả kiểm định KMO và Bartlett's

Kiểm định	Giá trị
Kaiser-Meyer-Olkin (KMO)	0,938
Bartlett's Approx Chi-Square Sig	14682,645 0,000

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

KMO: 0,938 > 0,5; Phân tích nhân tố phù hợp với dữ liệu nghiên cứu

Kết quả kiểm định Bartlett's là 14682.645 với mức ý nghĩa Sig = 0.000 < 0.05: dữ liệu phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp.

4.2.3. Kết quả xoay nhân tố

Sau khi các chỉ báo được kiểm định về độ tin cậy và sự phù hợp, đảm bảo để thực hiện phân tích nhân tố, nghiên cứu tiếp tục thực hiện nhóm nhân tố thông qua phép quay ma trận. Kết quả cho thấy các chỉ báo đã hội tụ vào bốn nhân tố quy hoạch (QH), cơ sở hạ tầng (CSHT), cơ sở vật chất (CSVC), văn hóa y tế giáo dục (VYG) và chính quyền (CQ).

Dựa trên hệ số tải của các thang đo trong bảng quay ma trận, giá trị của các nhân tố được xác định như sau:

$$\begin{aligned}
 QH &= 0,59.QH1 + 0,571.QH2 + 0,633.QH3 \\
 &+ 0,656.QH4 + 0,631.QH5 \\
 CSHT &= 0,783.CSHT1 + 0,843.CSHT2 \\
 &+ 0,849.CSHT3 + 0,836.CSHT4 \\
 &+ 0,775.CSHT5 \\
 CSVC &= 0,746.CSVC1 + 0,769.CSVC2 \\
 &+ 0,786.CSVC3 + 0,786.CSVC4 \\
 &+ 0,798.CSVC5 + 0,798.CSVC6 \\
 &+ 0,781.CSVC7 + 0,790.CSVC8 \\
 &+ 0,792.CSVC9 \\
 VYG &= 0,879.VYG1 + 0,900.VYG2 \\
 &+ 0,875.VYG3 + 0,875.VYG4 \\
 &+ 0,889.VYG5 \\
 CQ &= 0,781.CQ6 + 0,823.CQ7 + 0,832.CQ8 \\
 &+ 0,858.CQ9 + 0,821.CQ10 + 0,861.CQ2 \\
 &+ 0,831.CQ3 + 0,827.CQ4 \\
 &+ 0,854.CQ5 + 0,844.CQ10
 \end{aligned}$$

4.3. Kết quả hồi quy

Dữ liệu điều tra sau khi đã làm sạch, EFA, được đưa vào mô hình hồi quy tuyến tính để ước lượng mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hài lòng của người dân khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Kết quả ước lượng mức độ giải thích của mô hình, R² hiệu chỉnh = 0,771 cho thấy 77,1% sự thay đổi của biến phụ thuộc (biến hài lòng) được giải thích bởi sự thay đổi của biến độc lập trong mô hình.

Kết quả kiểm định giả thuyết về độ phù hợp với tổng thể của mô hình, giá trị F = 202.525 với sig = 0.000 < 5%, mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được là phù hợp với tổng thể.

Kết quả trong Bảng 5 cho thấy các biến độc lập không có hiện tượng tương quan chặt hay đa cộng tuyến bởi hệ số VIF < 10. Do vậy, các biến đủ điều kiện để đánh giá tác động tới mức độ hài lòng của người dân. Đồng thời, kết quả trong bảng cũng chỉ ra, mức độ hài lòng của người dân chịu tác động có ý nghĩa thống kê của các biến là biến: Thunhap, hocvan, QH, CSHT, CSVC, CSHT, VYG, CQ. Yếu tố giới tính, độ tuổi không có tác động có ý nghĩa thống kê tới biến hài lòng.

càng khát khe hơn trong việc đánh giá và mức hài lòng cũng giảm đi.

Trình độ học vấn (Hocvan) của người dân lại có ảnh hưởng tích cực tới mức độ hài lòng, ở mức ý nghĩa thống kê 95%, học vấn của người dân được tăng lên 1 bậc, thì sự hài lòng về chương trình xây dựng nông thôn lại càng cao. Điều này cho thấy, càng có trình độ học vấn cao, càng hiểu rõ về nội dung, ý nghĩa của chương trình cũng như các vấn đề gặp phải khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn của chính quyền, chính vì

Bảng 5. Kết quả hồi quy

Mô hình	Hệ số hồi quy không chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	T	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận của biến	VIF
(Constant)	.036	.221		163	.870		
QH	.152	.034	.198	4.423	.000	.372	1.689
CSHT	.152	.036	.124	4.266	.000	.878	1.139
CSV	.321	.038	.355	8.344	.000	.413	1.420
VYG	.081	.024	.097	3.317	.001	.874	1.145
CQ	.248	.033	.327	7.608	.000	.404	1.473
Tuoi	.001	.017	.002	.059	.953	.805	1.242
Gioitinh	-.028	.035	-.022	-.784	.434	.958	1.044
Thunhap	-.049	.020	-.069	-2.445	.015	.935	1.069
Hocvan	.046	.022	.057	2.067	.040	.986	1.014

Nguồn: Tính toán của tác giả với sự trợ giúp của phần mềm SPSS 22

Thu nhập (Thunhap) được tìm thấy là có ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê tới mức độ hài lòng của người dân khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên về chương trình XDNTM. Kết quả cho thấy tại mức ý nghĩa 95%, nếu thu nhập của người dân tăng lên 1 đơn vị, mức độ hài lòng về chương trình giảm đi 0,069 đơn vị. Điều này có thể được giải thích là người dân càng có thu nhập cao, thì yêu cầu về chất lượng cuộc sống, cơ sở vật chất, hệ sinh thái môi trường càng cao, vì vậy

vậy mức độ cảm thông cũng cao hơn và mức độ hài lòng cũng lớn hơn.

Nhân tố quy hoạch (QH), đánh giá về công tác quy hoạch cũng góp phần tạo lên sự hài lòng của người dân, khi công tác quy hoạch tăng chất lượng lên 1 đơn vị, mức độ hài lòng của người dân cũng tăng 0,198 đơn vị với mức ý nghĩa thống kê 99%.

Nhân tố cơ sở hạ tầng (CSHT), kết quả xây dựng cơ sở hạ tầng càng đáp ứng được nhu cầu đi lại, sản xuất của người dân thì mức độ hài lòng

càng tăng, cụ thể là với mức ý nghĩa thống kê 99%, chất lượng CSHT tăng lên 1 đơn vị, mức độ hài lòng của người dân tăng 0,124 đơn vị.

Nhân tố cơ sở vật chất (CSVC), chất lượng, số lượng các cơ sở vật chất đạt chuẩn càng cao thì mức độ hài lòng của người dân càng cao và trong nghiên cứu này yếu tố cơ sở vật chất có tác động lớn nhất tới mức độ hài lòng của người dân, với hệ số bê ta là 0,327 tại mức ý nghĩa thống kê 99%.

Nhân tố chính quyền là yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ hai tới kết quả hài lòng của người dân với hệ số bê ta là 0,327, chính quyền hoạt động tốt, có trách nhiệm, thân thiện gần gũi người dân thì mức độ hài lòng với chương trình càng cao.

Nhân tố kết quả văn hóa, y tế, giáo dục càng được cải thiện thì càng làm cho người dân hài lòng với chương trình. Mức độ cải thiện của nhóm văn hóa, y tế giáo dục lên 1 đơn vị thì mức hài lòng tăng đơn vị.

Dựa trên kết quả hồi quy, phương trình thể hiện mức độ hài lòng của người dân khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Hailong} = & 0,198.QH + 0,124.CSHT \\ & + 0,355.CSVC + 0,097.VYG + 0,327.CQ \\ & - 0,069.Thunhap + 0,057.Hocvan \end{aligned}$$

Trong đó, kết quả khảo sát các mức đánh giá của người dân như về chính quyền có giá trị thấp nhất ở mức 3,39 điểm, tiếp đến là hai nhân tố quy hoạch và cơ sở vật chất giáo dục là 3,62 điểm, kết quả đánh giá của người dân về mức độ cải thiện văn hóa, y tế, giáo dục là 3,9 điểm và yếu tố cơ sở hạ tầng là 4,1 điểm chiếm vị trí cao nhất trong đánh giá của người dân. Kết quả này cho thấy các mức đánh giá của người dân còn thấp về các tiêu chí này, đặc biệt là đánh giá về thái độ, trách nhiệm, năng lực của cán bộ chính quyền

5. Kết luận và khuyến nghị

XDNTM mục tiêu vì sự phát triển của nông thôn nói chung, vì mục tiêu cải thiện đời sống cho người dân khu vực nông thôn nói riêng, vì vậy nghiên cứu đánh giá của người dân khu vực nông thôn về chương trình XDNTM là cần thiết. Phương pháp phân tích nhân tố để xác định và kiểm định các nhân tố có khả năng ảnh hưởng

đến mức độ hài lòng của người dân và phương pháp hồi quy tuyến tính để xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến cảm nhận này của người dân được sử dụng trong nghiên cứu này. Kết quả ước lượng từ mô hình cho thấy, kết quả sự hài lòng của người dân chịu ảnh hưởng bởi yếu tố giới tính, trình độ giáo dục và sự cảm nhận của người dân về kết quả công tác quy hoạch, về cơ sở hạ tầng, kết quả xây dựng cơ sở vật chất, kết quả về văn hóa y tế giáo dục và đánh giá về chính quyền trong thực hiện triển khai công tác XDNTM.

Kết quả từ nghiên cứu này đã chỉ ra cần phải có những thay đổi trong công tác XDNTM hiện nay.

Nâng cao trách nhiệm, năng lực, thái độ phục vụ của cán bộ chính quyền các cấp trong triển khai chương trình XDNTM. Kết quả đánh giá về hoạt động của chính quyền ở mức 3,39 điểm cho thấy người dân chưa thực sự hài lòng với sự thể hiện của cán bộ chính quyền. Nhiều nơi, tình trạng triển khai XDNTM còn mang tính hình thức, cán bộ chưa thực sự đi sâu đi sát với chương trình. Nhiều thông tin chưa đến hoặc còn mập mờ không rõ ràng với người dân, vì vậy vẫn còn tình trạng người dân mất niềm tin với cán bộ chính quyền.

Công tác quy hoạch cần gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội một cách bền vững đồng thời cần lấy ý kiến người dân trong công tác quy hoạch XDNTM. Hiện nay tình trạng quy hoạch chỉ cán bộ mới biết, người dân không nắm được và ít được lấy ý kiến diễn ra hết sức phổ biến. Nhiều dự án xây dựng khu đô thị lấy đất của dân, không có hoạt động lấy ý kiến trước khi xây dựng dự án, ảnh hưởng lớn đến sinh kế của người dân đặc biệt là người nông dân, khiến đời sống người nông dân bấp bênh mất đất, mất nghề, đất nông nghiệp được sử dụng cho các mục đích công nghiệp và đô thị khiến cho môi trường sống khu vực nông thôn ngày càng bị suy thoái.

Ưu tiên đầu tư xây dựng trường học, cơ sở y tế để phục vụ nhu cầu cho người dân khu vực nông thôn, đặc biệt là khu vực miền núi vùng sâu vùng xa đi lại còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ mù chữ và tái mù chữ cao, nhu cầu khám chữa bệnh lớn nhưng cơ sở y tế ít và phân bố xa nơi sinh hoạt của người dân ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2017), 'Báo cáo kết quả tổng điều tra nông nghiệp và thủy sản năm 2016', Nhà xuất bản Thống kê.
2. Hair &ctg (1998), *Multivariate Data Analysis*, Prentice-Hall International, Inc.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2018), 'Báo cáo kết quả thực hiện chương trình MTQG XDNTM 02 năm (2016-2017) và kế hoạch thực hiện 03 năm (2018-2020) và năm 2018.

Ngày nhận bài: 5/2/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/2/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 25/2/2019

Thông tin tác giả:

NCS HỒ CHÍ DIÊN

Công ty CP Ngân Sơn

FACTORS IMPACTING THE SATISFACTION OF PEOPLE ABOUT THE NEW RURAL DEVELOPMENT IN THAI NGUYEN PROVINCE

● Ph.D student **HO CHI DIEN**

Ngan Son Joint Stock Company

ABSTRACT:

The study is to identify factors affecting the satisfaction level of people living in rural areas of Thai Nguyen Province. Ten people and staff living in rural areas of Thai Nguyen Province were interviewed with the qualitative method and 300 other people were surveyed. By using exploratory factors analysis method and linear regression method, the study finds empirical evidences that demonstrate the impact of some factors, such as income, education level and government on the satisfaction of people about the new rural development program. This study also proposes a number of recommendations related to this issue according to the study's results.

Keywords: New rural development, evaluation, people, Thai Nguyen Province.